

Trộm thơ

Hồ Chí Minh (HCM) được chế độ cộng sản (CS) xem là một nhà thơ lớn. Các giáo sư, các nhà nghiên cứu văn học CS thi nhau bốc thơm. Trong các kỳ thi trung học dưới mái trường CS, thơ HCM thường được đưa ra làm đề tài cho các em học sinh bình giải.

Theo viện Văn học Hà Nội, thi phẩm vĩ đại nhất của HCM là quyển "Ngục trung nhật ký" viết bằng chữ Hán, xuất bản tại Hà Nội năm 1960, gồm 132 bài thơ, đại đa số là tứ tuyệt (thơ 4 câu 7 chữ). Viện này cho biết HCM "đã viết trong cảnh lao tù từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943". (Lê Hữu Mục trích dẫn, Hồ Chí Minh không phải là tác giả "Ngục trung nhật ký", Toronto: Văn Bút Hải Ngoại, 1990, tt. 12-13.)

Ngục trung nhật ký đã được dịch qua chữ Việt, phát hành hàng trăm ngàn bản ở trong nước và cũng đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ở hải ngoại.

Nhà nghiên cứu Lê Hữu Mục, nguyên là giáo sư văn chương Việt Nam tại Đại học Văn khoa Huế và Đại học Văn khoa Sài Gòn, sau năm 1975 định cư tại Montreal, Canada, đã nghiên cứu rất kỹ lưỡng tập thơ này và chứng minh rằng đa số các bài thơ trong Ngục trung nhật ký do một người Trung Hoa tên là "Già Lý" sáng tác, và chỉ có khoảng trên dưới 10 bài tứ tuyệt là của HCM. (Lê Hữu Mục, sđd. tr. 112.) ("Ông già họ Lý" là người bị giam chung với HCM vào đầu thập niên 30 tại khám lớn Victoria ở Hồng Kông.)

Giáo sư Lê Hữu Mục đã phân tích tỉ mỉ tác phẩm này và đưa ra nhận xét như sau: "Phân phân tích ở trên chứng thực già Lý là chủ nhân của những bài thơ xây dựng theo kĩ thuật thơ Đường; những bài thơ này chiếm hết ba phần tư tác phẩm. Phần còn lại có thể coi là của Hồ Chí Minh. Tôi chỉ nói là có thể vì tôi không khẳng định được rõ ràng bài thơ nào đích thực là của Hồ Chí Minh, bài thơ nào thuộc về các tác giả khác." (Lê Hữu Mục, sđd. tr. 94.)

Chỉ cần nhìn sơ qua hình bìa nguyên bản quyển Ngục trung nhật ký cũng đã thấy mâu thuẫn ngay từ đầu. Tám bìa nguyên thủy của sách này ghi rõ ngày, tháng và năm sáng tác là 29-8-1932 / 10-9-1933, trong khi Viện Văn học cho rằng HCM sáng tác tập thơ này trong hai năm 1942 và 1943.



Ngoài những nghiên cứu của giáo sư Lê Hữu Mục, còn có những phát hiện khá thú vị khác về tài cóp thơ hoặc là trộm thơ của người khác của HCM. Ví dụ trong tuyển tập "Quốc Học, trường tôi" do nhà xuất bản Thuận Hóa ấn hành tại Huế năm 1996, có đăng bài thơ "Tầm hữu vị ngộ" của HCM.

Tuyển tập này chú giải rằng bài thơ "Tầm hữu vị ngộ" là của HCM gởi cho Võ Nguyên Giáp năm 1954, và "mới được phát hiện". Giáo sư Tuệ Quang Tôn Thất Tuệ, trong bài "Ai là tác giả bài Tầm hữu vị ngộ?", tạp chí Hương Văn, California, số 5, tháng 2-1999, tt. 91-96, cho rằng nếu bài thơ này của một lãnh tụ (HCM) tặng cho một viên tướng (Võ Nguyên Giáp), được sáng tác năm 1954, cả hai đang cầm quyền và cầm quân, mà sao đến năm 1990 mới được phát hiện? Hai người này đều là những nhân vật quan trọng đầu não của chế độ CS, mà sao bài thơ có thể thất lạc một thời gian dài (1954-1990)? Giáo sư Tuệ Quang đi sâu vào chi tiết bài thơ và nhận xét: "Tóm lại, bài thơ "Tầm hữu vị ngộ", xét về hình thức lẫn nội dung, không phù hợp với thi cách và khuynh hướng của ông Hồ".

Hai câu chuyện trên đây còn đang được tranh cãi, nhưng qua đến câu chuyện bài thơ dưới đây thì có lẽ khó cãi. Số là trong sách Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, Nxb. Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội in lần thứ hai, năm 2000, trang 101, đăng bản phiên âm bài thơ bằng chữ Hán của HCM gởi cho trung tướng Trần Canh (sau lên đại tướng). Bài thơ này còn được in trong sách Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh, Hà Nội: Nxb. Văn Học, 1990, tt. 39-40. Nguyên văn bản phiên âm bài thơ như sau:

TẶNG TRẦN CANH ĐỒNG CHÍ

*Hương tân mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngựa sa trường quân mạc tiểu
Địch nhân hưu phóng nhất nhân hồi.*

Bản dịch nghĩa của sách này:

TẶNG ĐỒNG CHÍ TRẦN CANH

*Rượu ngọt "sâm banh" trong chén ngọc dạ quang
Sắp uống, tỳ bà trên ngựa đã giục giã
Say sưa nằm lẫn nơi sa trường, anh đừng cười nhé!
Chớ để một tên địch nào trở về.*

(Theo đúng nguyên văn trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6 tr. 101.)

Trần Canh (Chen Geng) lúc đó là một viên trung tướng thân cận của Mao Trạch Đông, đang là ủy viên dự khuyết ban Chấp hành Trung ương đảng CSTQ, tư lệnh quân khu Vân Nam kiêm chính ủy binh đoàn số 4, chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Vân Nam. Hồ Chí Minh trực tiếp xin Mao Trạch Đông gởi Trần Canh qua làm cố vấn quân sự cho Việt Minh (VM).

Theo lệnh Mao Trạch Đông, Trần Canh đến Thái Nguyên gặp HCM vào cuối tháng 7-1950. Trong chiến dịch biên giới, Võ Nguyên Giáp dự tính tấn công Cao Bằng, nhưng Trần Canh chủ trương đánh Đông Khê. Theo Trần Canh, địa

thế Cao Bằng hiểm trở, công sự phòng thủ kiên cố và quân Pháp ở đây đông, nên khó tấn công. Trong khi đó, Đông Khê tuy nhỏ, nhưng giữ một vị trí chiến lược quan trọng trên phòng tuyến giữa Cao Bằng và Lạng Sơn; quân Pháp ở đây ít, dễ tấn công hơn. Cuối cùng, VM vâng theo ý kiến của Trần Canh.

Ngày 16-9-1950, VM dùng chiến thuật biến người theo kiểu Trung Cộng, tung khoảng 10,000 quân tấn công Đông Khê, một cứ điểm nhỏ do 260 quân Pháp trấn giữ. Đông Khê ở phía đông nam Cao Bằng, phía bắc Thất Khê. (Thất Khê ở phía tây bắc Lạng Sơn). Sau ba đêm và hai ngày kịch chiến (16 đến 18-9-1950), VM chiếm Đông Khê.

Trận Đông Khê là trận thắng đầu tiên của VM, cô lập Cao Bằng và cắt đứt tỉnh lộ số 4, nối Cao Bằng với Lạng Sơn. Sau trận này, Trần Canh còn cố vấn cho Võ Nguyên Giáp thi hành kế hoạch “công đồn dã viện”, chặn đánh riêng biệt hai cánh quân do hai trung tá Pháp chỉ huy. Cánh quân của trung tá Marcel Lepage rời Thất Khê tiến lên Đông Khê, bị VM phục kích ở Cốc Xá (nam Đông Khê) ngày 8-10-1950. Trong khi đó, đơn vị của trung tá Pierre Charton rút khỏi Cao Bằng ngày 3-10-1950, cũng bị VM phục kích ngày 10-10-1950 tại đồi 477, tây nam Đông Khê.

Trong hai trận này, số quân Pháp vừa tử trận, vừa bị bắt làm tù binh lên đến 4,000 binh sĩ, 354 hạ sĩ quan và 98 sĩ quan, trong đó có hai sĩ quan cấp trung tá. Đây là trận thất bại nặng nề đầu tiên của Pháp kể từ khi chiến tranh bắt đầu năm 1946. Ngoài số thương vong và thất thoát vũ khí trên đất, lần đầu tiên 15 chiến đấu cơ của Pháp bị súng cao xạ của VM do Trung Cộng viện trợ, bắn hạ. Ngược lại, hai cuộc phục kích này là chiến thắng lớn lao nhất của VM từ năm 1946, hoàn toàn do quyết định của tướng TC.

Theo ghi chú dưới bài thơ HCM tặng Trần Canh trong sách Hồ Chí Minh toàn tập tập 6, tr. 101, thì HCM gửi bài thơ này cho Trần Canh trước ngày 9-10-1950, nghĩa là HCM chúc mừng Trần Canh sau trận thắng Đông Khê ngày 18-9-1950, nhưng trước hai trận VM phục kích ở phía nam Đông Khê tháng 10-1950.

Đọc bài thơ này, ai cũng cảm thấy phảng phát âm hưởng bài thơ rất nổi tiếng của Vương Hàn đời Đường bên Trung Hoa là bài “Lương Châu từ”, được phiên âm như sau:

LƯƠNG CHÂU TỪ

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

Trần Trọng San dịch:

BÀI HÁT LƯƠNG CHÂU

*Rượu bồ đào, chén dạ quang
Muốn say, đàn đã rền vang giục rồi*

Sa trường say ngủ ai cười

Từ xưa chinh chiến mấy người về đâu?

So sánh hai bài thơ tứ tuyệt “Tặng đồng chí Trần Canh” của HCM và “Bài hát Lương Châu” của Vương Hàn, cách nhau cả hơn một ngàn năm, mỗi bài thơ chỉ có 28 chữ, mà hai bài thơ chỉ khác nhau có bảy chữ. Đó là hai chữ đầu bài thơ (“bồ đào” thay bằng “hương tân” tức rượu champagne; và năm chữ câu cuối). Còn hai câu giữa hoàn toàn giống nhau, nghĩa là hết ba phần tư (3/4) bài thơ nguyên là của bài “Lương Châu từ” của Vương Hàn.

Câu kết bài thơ HCM tặng Trần Canh trong tổng thể cả bốn câu của bài thơ, thật là vô duyên và lại lạc đề, vì ý nghĩa câu này chẳng ăn nhập gì đến ý nghĩa ba câu trên của bài thơ. Ba câu trên đang nói chuyện uống rượu trong một cái chén dạ quang sang trọng, phải vội vàng ra đi theo tiếng nhạc xuất quân, dù có say sưa ngoài chiến trường thì xin mọi người đừng cười... Bài thơ đang đến hồi sáng khoái, hào hùng thì HCM lại kết luận trật chĩa một cách vô duyên, chẳng có hồn thơ, làm mất hứng thơ: “Địch nhân hưu phóng nhất nhân hồi”. (Chớ để một tên địch nào trở về). Đang nói chuyện xin đừng cười kẻ lỡ say ngoài chiến trường sao mà “chớ để một tên địch nào trở về”, thì thật là lãng nhách.

Trong khi đó, câu kết của Vương Hàn “Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi” (Từ xưa chinh chiến mấy người về), vừa hào hùng phù hợp với ý tưởng ba câu thơ trên, vừa là tâm trạng của những chiến binh xông pha trận mạc, biết rằng chiến tranh có những rủi ro không sao đoán trước được, nên từ xưa đến nay, những người ra đi xông pha chiến trận, thì mấy người trở về? Vì vậy mới xin đừng cười kẻ lỡ say trên đường ra trận. Lời thơ trong câu kết của Vương Hàn vang lên như là một điệu nhạc vừa hùng tráng và cũng vừa bi ai. (Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.)

Trừ trường hợp Trần Canh là người dốt nát, không biết đọc chữ thì Trần Canh mới không phát hiện được HCM chép lại thơ Vương Hàn. Tuy nhiên, Trần Canh là người đã từng đủ điều kiện để theo học khóa 1 trường võ bị Hoàng Phố (Quảng Châu) tháng 5-1924, nổi tiếng học giỏi và được mệnh danh là một trong ba nhân tài của Hoàng Phố (Hoàng Phố tam kiệt), đã từng là hiệu trưởng trường Lục quân Bành Dương, đã lên tới cấp trung tướng, đang giữ chức tư lệnh quân khu Vân Nam kiêm chính ủy binh đoàn số 4, chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Vân Nam. Chắc chắn Trần Canh có một trình độ học vấn căn bản và vốn là một quân nhân, Trần Canh phải biết bài thơ trứ danh về chiến tranh của Vương Hàn, nhất là hai câu chốt: “Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu / Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”, hầu như là hai câu nằm lòng của giới nhà binh. Nay HCM lại “múa rìu qua mắt thợ”, lấy nguyên văn hai câu thơ của Vương Hàn làm quà tặng cho đồng hương con cháu của Vương Hàn. Trần Canh nghĩ sao về việc này?

Phải chăng đây là thơ “tập cổ” theo lối người xưa? Nếu tập cổ thì mượn một câu chữ không mượn 3/4 bài, và ít nhất khi in lại cũng ghi là thơ tập cổ từ thơ

của ai? Hay đây là lối đánh lộn con đen trí trá cố hữu của HCM? Nếu ai biết thì chối là thơ tập cổ, nếu ai không biết thì khoe là thơ của HCM và đăng vào sách, lưu truyền về sau.

Ngày nay, chỉ cần chép nguyên văn một câu của người khác mà không đề xuất xứ, thì bị ghép vào tội đạo văn, ăn cắp thơ. Trong bài thơ này, HCM ăn cắp những ba phần tư (3/4) bài thơ của Vương Hàn.

Đúng là HCM, chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tức nhà nước cộng sản Bắc Việt Nam, xứng đáng là chủ tịch trộm thơ liều lĩnh. Thế mà đảng CSVN luôn luôn kêu gọi học tập đạo đức HCM tức là học luôn cách trộm thơ hay trộm công trình sáng tác của người khác. Có thể do nhờ học tập đạo đức kiểu đó nên viên hiệu phó Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội đã đạo văn luận án tiến sĩ của người khác. Chỉ khác một điều là vào đầu năm nay (2014) có người tố cáo viên hiệu phó ăn cắp sở hữu trí tuệ của người khác, mà chẳng ai chịu tố cáo HCM đã trộm thơ của người khác. Nếu viên hiệu phó Đại Học Bách Khoa Hà Nội công khai thừa nhận đã trộm luận văn của người khác vì đã học theo gương đạo đức HCM, thì hy vọng có thể khỏi bị truy tố.

Chẳng những trộm thơ, mà HCM còn trộm tư tưởng của người khác. Ví dụ rõ nét nhất còn được các trường học ở Việt Nam hiện nay truyền tụng như là tư tưởng HCM, là câu mà HCM đã phát biểu trong cuộc học tập chính trị khoảng hơn 3,000 giáo viên ngày 13-9-1958 tại Hà Nội: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người.” (Báo Nhân Dân ngày 14-9-1958.) Câu này, HCM ăn cắp nguyên ý của Quản Trọng, tể tướng ngược Tề thời Xuân Thu (722-479 trước CN). Quản Trọng nói: “Nhất niên chi kế tại ư thụ cốc; thập niên chi kế tại ư thụ mộc; bách niên chi kế tại ư thụ nhân.” (Kế một năm trồng lúa; kế mười năm trồng cây; kế trăm năm trồng người.) Nếu kể chuyện HCM đạo văn thì còn nhiều chuyện nữa, kể cả bản Tuyên ngôn ngày 2-9-1945 của HCM ...

Lãnh tụ số một của CSVN còn như thế, thì trách chi hiệu phó Đại Học Bách Khoa Hà Nội trộm luận án và trách chi nền văn hóa giáo dục CSVN suy sụp và xuống cấp.

TRẦN GIA PHỤNG

(Toronto, 26-11-2014)

© Đàn Chim Việt

Chuyển đến: **Lê-Thụy-Chi**

Ngày 10/12/2014

www.vietnamvanhien.net